

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức V - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 9, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 9, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đức V và chị Hoàng Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Nguyễn Hoàng D , sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 cho anh Nguyễn Đức V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2015 cho chị Hoàng Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Đức V và chị Hoàng Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Anh Nguyễn Đức V và chị Hoàng Thị H không có con riêng nên anh V, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh Nguyễn Đức V và chị Hoàng Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên anh V và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức V nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002261 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức V số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung